

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG SÂN BAY
TÂN SƠN NHẤT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	14 - 55
8. Phụ lục	56 - 58

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất theo Quyết định số 2572/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301123125 (số cũ 4106000177), đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 05 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84.8) 38.448358
- Fax : (84.8) 38.447812

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, chi tiết: Kinh doanh hàng miễn thuế; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào, hàng thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý, văn hóa phẩm (có nội dung được phép lưu hành); Nông, lâm, hải sản nguyên liệu, động vật sống (không hoạt động tại trụ sở và trừ động vật quý hiếm); Hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật); Vật liệu xây dựng; Xe có động cơ, mô tô, xe gắn máy, phụ tùng cho xe có động cơ, xăng, dầu, mỡ (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Nguyên vật liệu phi nông nghiệp, phế liệu và đồ phế thải (không hoạt động tại trụ sở); Máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế ngành công – nông – ngư nghiệp, hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Tạp phẩm, máy móc, thiết bị, đồ dùng cá nhân và gia đình; Sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); Xăng, dầu, mỡ, nhớt, gia vị, nước chấm, nước sốt, thủy hải sản, thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách.
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao), chi tiết: Dịch vụ massage, xoa bóp, bấm huyệt đôi bàn chân, tắm bùn khoáng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở.
- Chuyển phát, chi tiết: Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa.
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt), chi tiết: Đại lý vận tải bằng đường bộ, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo tuyến cố định theo hợp đồng bằng xe taxi, xe buýt.
- Đại lý du lịch.
- Quảng cáo.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón, chi tiết: Khai thác, chế biến bùn khoáng (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở).



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Đại lý môi giới, đấu giá, chi tiết: môi giới thương mại.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ các hoạt động trong lĩnh vực có sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất... làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, phim ảnh...).
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Nhà hàng; Dịch vụ cung cấp khẩu phần ăn trên máy bay; Dịch vụ cung cấp ăn uống theo hợp đồng.
- Điều hành tua du lịch, chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh bãi tắm, vũ trường, karaoke (không hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh); Hoạt động bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, dịch vụ du thuyền, thể thao trên không, nhảy dù, hoạt động của các câu lạc bộ thể dục, thể hình, nhíp điệu.
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở).
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy.
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật, giao thông.
- Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Môi giới hàng hải; Dịch vụ làm thủ tục hải quan; dịch vụ kiểm tra an toàn phương tiện vận tải; Dịch vụ hoa tiêu xe ô tô; Kéo xe bị hỏng; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp, đóng gói hàng hóa; Đại lý vé máy bay; Kinh doanh khai thác bến cảng; Khai thác dịch vụ kỹ thuật, thương mại hàng không, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không (trừ kinh doanh cảng hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không, kinh doanh vận chuyển hàng không và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Vận tải đường ống (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện, chi tiết: Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (không hoạt động tại trụ sở).
- Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở).
- Hoạt động viễn thông có dây.
- Hoạt động viễn thông không dây.
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: Chăn nuôi thủy sản, chế biến cá và thủy sản trên tàu, cung cấp nước đá lạnh bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG)



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Vận tải hành khách đường bộ khác, chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh, Vận tải hành khách đường bộ.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh.
- Hoạt động cấp tín dụng khác, chi tiết: đại lý đối ngoại tệ
- Cho thuê xe có động cơ.
- Vận tải bằng xe buýt.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017
Bà Đoàn Thị Mai Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017
Ông Đặng Tuấn Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Phan Lê Hoan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Bà Lê Hồng Thủy Tiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Huỳnh Thị Diệu	Trưởng ban	Ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Lưu Quốc Hoàng	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

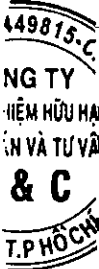
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đoàn Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 3 năm 2015
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đoàn Thị Mai Hương (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.


Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Hạnh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 09 tháng 8 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0867/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÓ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2017, từ trang 07 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Bùi Văn Khả

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.138.152.351.815	1.211.168.160.950
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	463.046.814.805	489.855.566.371
1. Tiền	111		195.046.814.805	117.592.677.482
2. Các khoản tương đương tiền	112		268.000.000.000	372.262.888.889
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		252.000.000.000	72.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	28.644.000.000	28.644.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(28.644.000.000)	(28.644.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	252.000.000.000	72.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		154.513.643.378	335.347.669.618
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	88.604.450.763	99.894.251.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.257.985.479	15.412.613.498
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	109.086.134.442	271.504.595.268
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(54.434.927.306)	(51.463.790.637)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		241.038.093.572	293.609.648.447
1. Hàng tồn kho	141	V.7	241.038.093.572	293.609.648.447
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.553.800.060	20.355.276.514
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	9.170.635.413	6.071.671.432
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.110.554.584	13.063.709.567
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	272.610.063	1.219.895.515
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		864.551.157.301	854.460.564.955
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		250.835.729.217	252.588.230.217
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	491.140.149.543	474.221.101.176
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6	(240.304.420.326)	(221.632.870.959)
II. Tài sản cố định	220		240.099.032.010	231.874.025.593
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	180.147.381.096	201.717.188.726
- Nguyên giá	222		494.320.469.987	499.871.863.823
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(314.173.088.891)	(298.154.675.097)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	32.721.226.306	4.065.636.360
- Nguyên giá	225		33.978.716.730	4.065.636.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.257.490.424)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	27.230.424.608	26.091.200.507
- Nguyên giá	228		34.718.116.584	33.096.409.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.487.691.976)	(7.005.209.292)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	32.243.749.055	32.243.749.055
- Nguyên giá	231		37.252.913.794	37.252.913.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.009.164.739)	(5.009.164.739)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		45.394.132.072	37.621.522.587
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	45.394.132.072	37.621.522.587
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		258.159.982.605	254.159.762.605
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	178.277.281.987	178.277.281.987
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	104.045.921.500	100.045.701.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(24.163.220.882)	(24.163.220.882)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		37.818.532.342	45.973.274.898
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	26.310.286.853	34.465.029.409
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	11.508.245.489	11.508.245.489
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.002.703.509.116	2.065.628.725.905

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		527.589.930.156	579.683.951.839
I. Nợ ngắn hạn	310		508.376.658.875	576.729.427.839
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	308.057.565.509	315.465.446.485
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	1.369.181.849	944.693.786
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	23.211.670.736	12.584.625.630
4. Phải trả người lao động	314	V.18	59.947.733.892	62.792.029.458
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	28.107.180.443	24.640.927.320
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	6.116.039.171	3.963.506.868
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	5.824.156.762	11.839.818.354
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	63.688.176.099	119.374.957.640
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	12.054.954.414	25.123.422.298
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		19.213.271.281	2.954.524.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	357.724.000	357.724.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	18.855.547.281	2.596.800.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.475.113.578.960	1.485.944.774.066
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.475.113.578.960	1.485.944.774.066
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	1.315.000.000.000	1.315.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.315.000.000.000	1.315.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	582.661.723	582.661.723
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	159.530.917.237	170.362.112.343
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.816.112.343	170.362.112.343
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		131.714.804.894	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.002.703.509.116	2.065.628.725.905

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Thị Thu
Người lập



Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.141.801.188.091	1.050.854.800.506
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.982.793	1.409.913
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.141.793.205.298	1.050.853.390.593
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	642.712.978.212	617.483.929.283
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		499.080.227.086	433.369.461.310
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	62.861.375.091	35.041.187.959
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3.295.252.777	17.533.948.204
Trong đó: chi phí lãi vay	23		985.414.631	783.928.033
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	275.757.145.997	241.695.499.278
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	131.002.838.569	100.448.548.857
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		151.886.364.834	108.732.652.930
11. Thu nhập khác	31	VI.8	6.758.150.804	3.378.390.447
12. Chi phí khác	32	VI.9	407.586.099	2.056.355.840
13. Lợi nhuận khác	40		6.350.564.705	1.322.034.607
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		158.236.929.539	110.054.687.537
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	26.522.124.645	20.552.733.313
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	-	(3.147.430.000)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		131.714.804.894	92.649.384.224
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.002	705
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.002	705



Nguyễn Thị Thu
Người lập

Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởngĐoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		158.236.929.539	110.054.687.537
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.11	23.879.102.044	22.923.750.459
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, V.2c, V.6	21.642.686.036	15.737.150.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	(19.722.473.948)	253.388.015
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(31.605.814.564)	(29.549.089.715)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	985.414.631	783.928.033
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		153.415.843.738	120.203.814.329
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26.294.992.039	12.190.300.816
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		52.571.554.875	36.733.384.546
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(17.480.868.569)	8.618.407.168
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.055.778.575	4.776.642.266
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(1.009.005.101)	(826.051.893)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(20.754.111.863)	(57.801.228.003)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	VII.2	(13.068.467.884)	(50.337.169.604)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		185.025.715.810	73.558.099.625
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11, V.13 VII	(11.514.208.046)	(11.952.639.884)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		269.434	850.998
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(180.000.000.000)	(95.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	103.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.000.220.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2c, V.5a, VI.4	149.125.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.4	35.145.734.686	32.497.573.622
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.243.423.926)	28.545.784.736

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22a	179.302.575.729	253.503.397.725
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22a	(236.722.378.132)	(305.985.803.842)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22b	(1.041.970.575)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21a, V.24	(142.240.305.600)	(28.744.555.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(200.702.078.578)	(81.226.961.794)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(26.919.786.694)	20.876.922.567
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	489.855.566.371	508.015.455.956
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		111.035.128	92.398.366
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	463.046.814.805	528.984.776.889

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2017



uuu

Nguyễn Thị Thu
Người lập

meubz

Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng

Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, hàng mỹ nghệ, hàng miễn thuế; Sản xuất nước nắm; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh; Sửa chữa ô tô, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành Hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại Hàng không; Đại lý bán vé máy bay, kinh doanh quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ công tác kinh doanh của công ty; Mua bán rượu và thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán lẻ xăng dầu; Kinh doanh trang trại; Kinh doanh bất động sản, môi giới bất động sản; Kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế, đại lý đối ngoại tệ; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ massage, xoa bóp bấm huyệt đôi bàn chân tại khu vực cách ly ga đi quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	Số 45 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán cho thuê vật tư, thiết bị phục vụ ngành xăng dầu; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	37,34%	37,34%	37,34%
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco	Số 47 đường Nguyễn Huệ, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH)	Leipziger Str.54, VH, EG 10G-10117 Berlin, Đức	Đại lý vé máy bay, dịch vụ du lịch, xuất nhập khẩu, thương mại	29,00%	29,00%	29,00%

815-C
TY
HỮU M
À TỰ V
C
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh	Số 45 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, thiết kế, thi công và bảo trì sân vườn; Cung cấp các dịch vụ cây trang trí cho văn phòng; Cho thuê cây	24,00%	24,00%	24,00%
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	Số 415B đường Hoàng Văn Thụ, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ, thương mại	20,00%	20,00%	20,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm thương mại Sasco Tân-Sơn-Nhất	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Phú Quốc	Số 379 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội	Số 50, ngõ 41, Thái Hà, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Long An	Lô Q-1B Khu công nghiệp Long Hậu mở rộng, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.268 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.289 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

815-C
TY
HỮU
A TU V
C
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho hàng hóa của cửa hàng miễn thuế và trung tâm thương mại được tính theo phương pháp thực tế đích danh, hàng tồn kho còn lại được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, tiền thuê đất trả trước, lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần tư vấn - dịch vụ về tài sản - bất động sản DATC. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (45 năm).

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí thuê mặt bằng quảng cáo, chi phí vận chuyển, bản quyền diệt virus,... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là phương tiện vận tải, truyền dẫn là 05 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 34 - 50 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 04 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

3300
CÔ
ÁCH N
ỀM TO
A
BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.796.631.985	12.393.188.656
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	183.752.533.946	103.949.562.186
Tiền đang chuyển ⁽ⁱ⁾	1.497.648.874	1.249.926.640
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	<u>268.000.000.000</u>	<u>372.262.888.889</u>
Cộng	<u>463.046.814.805</u>	<u>489.855.566.371</u>

(i) Thẻ tín dụng thu của khách hàng.

(ii) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)
Ngân hàng thương mại Cổ phần Đông Á	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)
Cộng	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	28.644.000.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	15.737.150.000
Số cuối kỳ	28.644.000.000	15.737.150.000

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 06 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	178.277.281.987	(24.163.220.882)		178.277.281.987	(24.163.220.882)	
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất ⁽ⁱ⁾	149.376.730.000	(9.262.931.164)		149.376.730.000	(9.262.931.164)	
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco ⁽ⁱⁱ⁾	10.800.262.269	-		10.800.262.269	-	
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	14.900.289.718	(14.900.289.718)		14.900.289.718	(14.900.289.718)	
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh ^(iv)	1.200.000.000	-		1.200.000.000	-	
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh ^(v)	2.000.000.000	-		2.000.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	104.045.921.500	-	55.825.041.050	100.045.701.500	-	49.362.776.500
Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	8.696.000.000	-	8.870.400.000	8.696.000.000	-	-
Công ty Cổ phần suất ăn hàng không sân bay Nội Bài ^(vi)	15.810.670.000	-	46.954.641.050	11.810.450.000	-	49.362.776.500
Công ty Cổ phần địa ốc Thảo Điền	44.732.290.000	-	-	44.732.290.000	-	-
Công ty Cổ phần thương mại Sabeco Trung tâm	70.000.000	-	-	70.000.000	-	-
Công ty Cổ phần du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (Trước đây là Công ty Cổ phần Thành Ngọc)	11.542.176.000	-	-	11.542.176.000	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng công nghiệp	4.930.000.000	-	-	4.930.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất	15.464.785.500	-	-	15.464.785.500	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Phú Quốc	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000	-	-
Cộng	282.323.203.487	(24.163.220.882)	55.825.041.050	278.322.983.487	(24.163.220.882)	49.362.776.500

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515395, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 24 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất 149.376.730.000 VND. Theo Nghị quyết Số 02/NQ/ĐHĐCĐ-TAPETCO-2017 ngày 27 tháng 03 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất đã thông qua phương án tăng vốn góp từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất sau khi tăng là 37,34% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5602000027 ngày 12 tháng 4 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần 03 ngày 12 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco 10.800.262.269 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh ngày 08 tháng 6 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH) 29% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305515483 ngày 03 tháng 7 năm 2010, Công ty nắm giữ 1.200 cổ phiếu tương đương 24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313546236 ngày 23 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh 2.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (vi) Ghi tăng 400.022 cổ phiếu tương đương 4.000.220.000 VND theo Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số VSD10301123125 ngày 15 tháng 02 năm 2017.

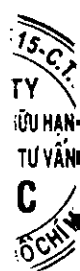
Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh được thành lập vào thời điểm cuối năm 2015 và hiện nay vẫn chưa phát sinh các hoạt động đáng kể.

Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác	77.684.316.768	90.616.016.326
Tổng Công ty hàng không Việt Nam - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất (TOC)	17.561.044.422	18.749.047.206
Công ty Cổ phần thương mại hàng không Miền Nam	11.567.308.000	14.533.667.100
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại nhựa Hòa Phát	5.862.413.400	7.362.413.400
Các khách hàng khác	42.693.550.946	49.970.888.620
Cộng	88.604.450.763	99.894.251.489

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	3.500.000.000	49.660.408
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	-	49.660.408
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	3.500.000.000	-
Trả trước cho các người bán khác	7.757.985.479	15.362.953.090
Công ty Cổ phần thương mại bia Sài Gòn Trung Tâm	-	4.420.531.500
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	-	2.852.938.199
Công ty Cổ phần HG Concept	1.145.748.440	-
Công ty Cổ phần Thiết kế đầu tư xây dựng Gia Lý	1.140.000.000	-
Cobus Industries GmbH	-	5.742.808.362
Các nhà cung cấp khác	5.472.237.039	2.346.675.029
Cộng	11.257.985.479	15.412.613.498

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	64.158.306.647	45.914.063.862	53.880.229.214	43.230.431.455
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt - chi hệ tiền thuê mặt bằng và các khoản khác	45.914.063.862	45.914.063.862	43.230.431.455	43.230.431.455
Công ty Cổ phần vận tải hàng Không Miền Nam – Phải thu tiền chi hệ thuê mặt bằng	17.785.021.158	-	10.649.797.759	-
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco	459.221.627	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	44.927.827.795	-	175.985.166.054	-
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Vạn An – phải thu tiền chuyển nhượng vốn trong Công ty TNHH Nova Sasco	-	-	149.125.000.000	-
Tạm ứng	1.693.004.278	-	527.028.342	-
Lãi dự thu của các ngân hàng	-	-	3.999.411.183	-
Ký quỹ	1.037.246.740	-	3.445.837.572	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	24.163.220.882	14.900.289.718
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối kỳ	24.163.220.882	14.900.289.718

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất		
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	1.424.646.455	27.654.546
<i>Giao dịch khác</i>	22.370.000	61.890.000
<i>Mua dịch vụ</i>	1.789.153.391	432.661.493
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco		
<i>Mua hàng</i>	658.800.000	-
<i>Chi phí thuê khu du lịch</i>	681.818.184	683.909.102
<i>Lãi liên doanh được chia</i>	996.945.627	504.321.241
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh		
<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>	91.232.532	102.811.809
<i>Thuê cây cảnh trang trí, thuê mặt bằng</i>	408.511.767	312.896.464
<i>Mua hàng hóa</i>	9.765.161.500	9.198.396.616
<i>Hỗ trợ bán hàng</i>	-	-
<i>Cổ tức nhận được</i>	252.000.000	264.000.000
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt		
<i>Cung cấp hàng hóa và dịch vụ</i>	18.094.628	-
<i>Mua hàng và dịch vụ</i>	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh		
<i>Mua hàng hóa</i>	155.489.624	1.956.549.390
<i>Cung cấp hàng hóa và dịch vụ</i>	786.647.585	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	10.920.133.995	9.278.235.163
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	3.396.051.780	2.616.968.000
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	903.646.000	831.074.278
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	248.129.000	843.489.100
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	61.723.000	37.860.000
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	893.937.880	85.121.000
Công ty Cổ phần phát triển Vườn xanh	657.534	-
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt	4.676.475.379	4.388.971.116
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu trời Xanh	739.513.422	474.751.669

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty hàng không Việt Nam - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất (TOC) - chi hệ tiền thuê đất	12.070.447.051	-	9.555.422.539	-
Công ty TNHH một thành viên xây dựng và kinh doanh nhà Phú Nhuận - thu hồi vốn và lãi bán nền nhà	1.733.428.375	-	1.733.428.375	-
Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài - trả trước tiền mua cổ phần	-	-	4.000.220.000	-
IPP Group (S) Pte.,Ltd	20.884.000.000	-	41.639.200.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.509.701.351	-	3.598.818.043	-
Cộng	109.086.134.442	45.914.063.862	271.504.595.268	43.230.431.455

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	240.304.420.326	240.304.420.326	221.632.870.959	221.632.870.959
Các khoản chi hệ cho Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH)	240.304.420.326	240.304.420.326	221.632.870.959	221.632.870.959
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	250.835.729.217	-	252.588.230.217	-
Ký quỹ	25.442.154.605	-	22.326.934.605	-
Ứng trước phí làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Ứng tiền cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phú Quốc để bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng tại khu du lịch sinh thái Bắc Vũng Bàu tại ấp 04, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	162.389.278.838	-	162.389.278.838	-
Ứng tiền đền bù giải tỏa dự án khách sạn Sasco - Nha Trang	2.975.418.824	-	7.611.659.824	-
Công ty TNHH một thành viên Nhà Phú Nhuận - vốn góp hợp tác kinh doanh	16.978.636.950	-	16.978.636.950	-
Công ty xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) - vốn góp hợp tác đầu tư xây dựng	30.040.240.000	-	30.040.240.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	10.000.000	-	241.480.000	-
Cộng	491.140.149.543	240.304.420.326	474.221.101.176	221.632.870.959

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		290.894.959.567	-		269.252.273.531	-
Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH)		290.894.959.567	-		269.252.273.531	-
Phải thu tiền bán hàng	Từ dưới 06 tháng đến trên 03 năm	4.676.475.379	-	Từ trên 01 năm đến 03 năm	4.388.971.116	-
Chi hộ	Trên 03 năm	286.218.484.188	-	Trên 03 năm	264.863.302.415	-
Các tổ chức và cá nhân khác		5.271.027.962	1.426.639.897		8.455.700.791	4.611.312.726
Phải thu tiền bán hàng	Từ 06 tháng đến trên 03 năm	4.932.759.672	1.400.229.897	Từ dưới 06 tháng đến trên 03 năm	8.117.432.501	4.584.902.726
Trả trước cho người bán	Trên 03 năm	338.268.290	26.410.000	Từ 06 tháng đến trên 03 năm	338.268.290	26.410.000
Cộng		296.165.987.529	1.426.639.897		277.707.974.322	4.611.312.726

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	273.096.661.596	278.421.280.724
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	21.642.686.036	-
Số cuối kỳ	294.739.347.632	278.421.280.724

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.554.425.143	-	5.102.835.181	-
Công cụ, dụng cụ	1.282.885.289	-	1.245.678.821	-
Thành phẩm	-	-	397.391.664	-
Hàng hóa	234.146.683.260	-	286.820.288.811	-
Hàng gửi đi bán	54.099.880	-	43.453.970	-
Cộng	241.038.093.572	-	293.609.648.447	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	1.256.723.365	961.284.528
Công cụ, dụng cụ	1.061.151.798	1.893.087.990
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.852.760.250	3.217.298.914
Cộng	9.170.635.413	6.071.671.432

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất, nhà kho, nhà xưởng trả trước	10.069.919.620	10.188.622.012
Công cụ, dụng cụ	7.190.584.020	8.574.971.138
Chi phí sửa chữa lớn	1.227.419.507	1.626.292.767
Lợi thế kinh doanh	6.458.426.952	12.916.853.904
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.363.936.754	1.158.289.588
Cộng	26.310.286.853	34.465.029.409

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	137.406.368.807	29.876.606.916	288.140.668.552	6.236.795.308	38.211.424.240	499.871.863.823
Mua trong kỳ			620.310.000	329.868.500		950.178.500
Giảm do phá dỡ tài sản hư hỏng	(237.515.886)	-	-	-	(6.117.026.897)	(6.354.542.783)
Thanh lý, nhượng bán		(31.174.500)	-	(115.855.053)		(147.029.553)
Số cuối kỳ	137.168.852.921	29.845.432.416	288.760.978.552	6.450.808.755	32.094.397.343	494.320.469.987
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.331.871.000	17.461.103.309	106.989.127.621	3.051.034.067	23.021.711.398	151.854.847.395
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	44.890.146.428	22.894.679.123	193.287.134.814	4.200.672.549	32.882.042.183	298.154.675.097
Khấu hao trong kỳ	6.582.469.880	982.559.026	13.255.748.861	338.592.350	979.758.819	22.139.128.936
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.174.500)	-	(115.855.053)	-	(147.029.553)
Giảm do phá dỡ tài sản hư hỏng	(212.466.616)	-	-	-	(5.761.218.973)	(5.973.685.589)
Số cuối kỳ	51.260.149.692	23.846.063.649	206.542.883.675	4.423.409.846	28.100.582.029	314.173.088.891
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	92.516.222.379	6.981.927.793	94.853.533.738	2.036.122.759	5.329.382.057	201.717.188.726
Số cuối kỳ	85.908.703.229	5.999.368.767	82.218.094.877	2.027.398.909	3.993.815.314	180.147.381.096
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Nguyên giá	
Số đầu năm	4.065.636.360
Thuê tài chính trong kỳ	29.913.080.370
Số cuối kỳ	33.978.716.730
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong kỳ	1.257.490.424
Số cuối kỳ	1.257.490.424

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.065.636.360
Số cuối kỳ	<u>32.721.226.306</u>

Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.0816/HĐCTTC-Sasco ngày 20 tháng 10 năm 2016 và hợp đồng cho thuê tài chính số 13.0816/HĐCTTC-SASCO ngày 24 tháng 10 năm 2016, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	30.944.738.761	100.555.555	2.051.115.483	33.096.409.799
Mua trong kỳ	-	-	1.621.706.785	1.621.706.785
Số cuối kỳ	<u>30.944.738.761</u>	<u>100.555.555</u>	<u>3.672.822.268</u>	<u>34.718.116.584</u>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	100.555.555	1.730.794.483	1.831.350.038
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	5.117.879.064	100.555.555	1.786.774.673	7.005.209.292
Khấu hao trong kỳ	311.685.045	-	170.797.639	482.482.684
Số cuối kỳ	<u>5.429.564.109</u>	<u>100.555.555</u>	<u>1.957.572.312</u>	<u>7.487.691.976</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	25.826.859.697	-	264.340.810	26.091.200.507
Số cuối kỳ	<u>25.515.174.652</u>	<u>-</u>	<u>1.715.249.956</u>	<u>27.230.424.608</u>
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Tồn thất do suy giảm giá trị	Giá trị còn lại
Số đầu năm	37.252.913.794	5.009.164.739	-	32.243.749.055
Số cuối kỳ	<u>37.252.913.794</u>	<u>5.009.164.739</u>	<u>-</u>	<u>32.243.749.055</u>

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Khu đất 10.316 m ² tại Xuân Thới Sơn - Hóc Môn	5.132.260.000	801.122.625	4.331.137.375
Khu đất số 9,10,11 thuộc Khu đất 2.000 m ² và 1.000m ² tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	6.222.717.346	1.256.109.502	4.966.607.844
Khu đất số 5 thuộc khu đất 1.475,8 m ² tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	3.472.623.126	660.530.562	2.812.092.564
Khu đất số 5 thuộc khu đất 2.200 m ² tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	8.216.358.700	683.547.876	7.532.810.824
Khu đất 9.973 m ² tại ấp Rạch Chiềc, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	5.458.267.422	396.881.118	5.061.386.304
Khu đất số 13 thuộc khu đất 4.758 m ² tại đường Nguyễn Chí Thành, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	8.750.687.200	1.210.973.056	7.539.714.144
Cộng	37.252.913.794	5.009.164.739	32.243.749.055

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển sang tài sản cố định	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	755.820.000	34.900.000	-	790.720.000
Xây dựng cơ bản dở dang	36.865.702.587	7.737.709.485	-	44.603.412.072
<i>Dự án trang trại Suối Nhung (Bình Phước)</i>	25.094.293.718	600.822.636	-	25.695.116.354
<i>Dự án khách sạn Sasco Nha Trang</i>	2.215.323.729	6.207.230.194	-	8.422.553.923
<i>Các dự án khác</i>	9.556.085.140	929.656.655	-	10.485.741.795
Cộng	37.621.522.587	7.772.609.485	-	45.394.132.072

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối kỳ
Các chi phí phải trả	4.875.383.866	-	4.875.383.866
Khấu hao bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá	904.061.623	-	904.061.623
Dự phòng đầu tư giảm giá chứng khoán ngắn hạn	5.728.800.000	-	5.728.800.000
Cộng	11.508.245.489	-	11.508.245.489

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	28.274.300.987	25.261.408.937
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam - phải trả tiền cung cấp hàng hóa dịch vụ	24.087.446.238	19.968.107.154
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất - cung cấp dịch vụ	784.880.693	1.427.635.656
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh - cung cấp dịch vụ	1.662.700.059	1.624.800.917
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt - mua hàng và dịch vụ	1.051.895.997	972.955.510
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	-	80.365.836
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	525.183.000	1.187.543.864
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn - phải trả tiền cung cấp dịch vụ	162.195.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	279.783.264.522	290.204.037.548
IPP Group (S) Pte., Ltd	229.459.148.038	250.628.324.561
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	20.655.081.588	-
Các nhà cung cấp khác	29.669.034.896	39.575.712.987
Cộng	308.057.565.509	315.465.446.485

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Không có số dư trả trước của các bên liên quan. Các khoản trả trước chủ yếu là của các khách hàng tại chi nhánh Blue Lagoon.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	292.829.068	-	2.007.867.497	(1.772.598.411)	528.098.154	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	41.236.876	(41.236.876)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	12.967.730	(12.967.730)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.285.949.137	-	26.522.124.645	(20.754.111.863)	18.053.961.919	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.862.683	1.219.895.515	8.003.486.689	(7.057.277.193)	786.727	272.610.063
Tiền thuê đất	-	-	9.947.893.000	(5.320.129.710)	4.627.763.290	-
Các loại thuế khác	3.984.742	-	54.299.325	(57.223.421)	1.060.646	-
Cộng	12.584.625.630	1.219.895.515	46.589.875.762	(35.015.545.204)	23.211.670.736	272.610.063

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Kinh doanh hàng miễn thuế, sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi:	Không chịu thuế
- Dịch vụ vận tải hành khách quốc tế và xuất khẩu tại chỗ:	0%
- Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác:	05% - 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Long An, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 50221000455 ngày 15 tháng 9 năm 2014 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động chiết rót, đóng chai nước mắm (quy mô 300.000 lít/năm) với thuế suất 20%, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính được từ năm thứ tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	158.236.929.539	110.054.687.537
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	21.897.214.347	16.958.241.666
- Các khoản điều chỉnh giảm	(24.187.047.072)	(478.295.447)
Thu nhập chịu thuế	155.947.096.814	126.534.633.756
Thu nhập được miễn thuế	(23.336.473.591)	(23.770.967.191)
Thu nhập tính thuế	132.610.623.223	102.763.666.565
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	26.522.124.645	20.552.733.313

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 22,473.60 m² đất đang sử dụng tại số 45 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với mức 411.840 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Quỹ lương được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2017 với tỷ lệ 25,2% lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện bằng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ giá vốn hàng mua - giá thành dịch vụ, sản xuất (không bao gồm lương và chi phí khấu hao).

Số dư cuối kỳ là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất tại đường Hồng Hà	24.376.919.332	24.376.919.332
Chi phí lãi vay phải trả	-	23.590.470
Chi phí giá vốn tiền phòng khách sạn, phí đặt phòng và chi phí khác	3.730.261.111	240.417.518
Cộng	28.107.180.443	24.640.927.320

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền trả trước về cho thuê. Không có doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan.

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	399.123.156	449.795.937
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.178.898.858	1.210.542.132
Cổ tức phải trả	542.499.600	236.805.200
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.703.635.148	9.942.675.085
Cộng	5.824.156.762	11.839.818.354

21b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn cho các tổ chức khác.

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính

22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	60.154.927.899	-118.725.757.640
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 ⁽¹⁾	60.154.927.899	-
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	59.079.991.285
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	59.645.766.355
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số 22b)	3.533.248.200	649.200.000
Cộng	63.688.176.099	119.374.957.640

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng với biên độ thỏa thuận, thời hạn vay 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm/kỳ	Kết chuyển từ nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	118.725.757.640	179.302.575.729	-	(1.151.027.338)	(236.722.378.132)	60.154.927.899
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	649.200.000	-	3.208.648.200	-	(324.600.000)	3.533.248.200
Nợ thuê tài chính phải trả	<u>119.374.957.640</u>	<u>179.302.575.729</u>	<u>3.208.648.200</u>	<u>(1.151.027.338)</u>	<u>(237.046.978.132)</u>	<u>63.688.176.099</u>

22b. Nợ thuê tài chính dài hạn

Thuê tài chính Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo hợp đồng thuê tài chính số 02.0816/HĐCTTC-Sasco ngày 20 tháng 10 năm 2016 để mua xe với lãi suất năm 2017 là 7,8%/năm (VND), từ năm 2018 đến năm 2021 lãi thuê phải trả theo lãi suất tại từng kỳ hạn điều chỉnh lãi do Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu thông báo. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Thuê tài chính Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo hợp đồng thuê tài chính số 13.0816/HĐCTTC-SASCO ngày 24 tháng 10 năm 2016 để mua xe với lãi suất năm 2017 là 2,8%/năm (USD), từ năm 2018 đến năm 2023 lãi thuê phải trả bằng trung bình cộng lãi suất huy động 12 tháng đồng tiền USD (trả lãi sau) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu + 2,8% (cộng 2,8%). Thời hạn thuê là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.533.248.200	649.200.000
Trên 1 năm đến 5 năm	13.808.392.800	2.596.800.000
Trên 5 năm	5.047.154.481	-
Cộng	<u>22.388.795.481</u>	<u>3.246.000.000</u>

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền gốc phải trả	3.533.248.200	13.808.392.800	5.047.154.481	22.388.795.481
Lãi thuê phải trả (*)	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính phải trả	<u>3.533.248.200</u>	<u>13.808.392.800</u>	<u>5.047.154.481</u>	<u>22.388.795.481</u>
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	649.200.000	2.596.800.000	-	3.246.000.000
Lãi thuê phải trả	243.025.315	-	-	243.025.315
Nợ thuê tài chính phải trả	<u>892.225.315</u>	<u>2.596.800.000</u>	<u>-</u>	<u>3.489.025.315</u>

(*) Từ năm 2018 đến năm 2023 lãi thuê phải trả theo lãi suất tại từng kỳ hạn điều chỉnh lãi do Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu thông báo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	2.596.800.000
Số tiền vay phát sinh	20.148.080.652
Số tiền vay đã trả	(717.370.575)
Chênh lệch tỷ giá	36.685.404
Kết chuyển sang nợ ngắn hạn	(3.208.648.200)
Số cuối kỳ	18.855.547.281

Công ty không có khoản nợ thuê tài chính chưa thanh toán.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	13.355.057.353	(6.399.553.005)	6.955.504.348
Quỹ phúc lợi	11.611.805.310	(6.512.355.244)	5.099.450.066
Quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành	156.559.635	(156.559.635)	-
Cộng	25.123.422.298	(13.068.467.884)	12.054.954.414

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.315.000.000.000	-	11.653.234.450	1.326.653.234.450
Trích lập quỹ trong kỳ	-	582.661.723	(2.715.751.001)	(2.133.089.278)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	(8.937.483.449)	(8.937.483.449)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	92.649.384.224	92.649.384.224
Số dư cuối kỳ trước	1.315.000.000.000	582.661.723	92.649.384.224	1.408.232.045.947
Số dư đầu năm nay	1.315.000.000.000	582.661.723	170.362.112.343	1.485.944.774.066
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	131.714.804.894	131.714.804.894
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	(142.546.000.000)	(142.546.000.000)
Số dư cuối kỳ này	1.315.000.000.000	582.661.723	159.530.917.237	1.475.113.578.960

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	655.042.000.000	670.650.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	316.295.000.000	316.295.000.000
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Duy Anh	65.750.000.000	65.750.000.000
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Âu Châu	191.990.000.000	191.990.000.000
Các cổ đông khác	85.923.000.000	70.315.000.000
Cộng	1.315.000.000.000	1.315.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	131.500.000	131.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	131.500.000	131.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	131.500.000	131.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	131.500.000	131.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	131.500.000	131.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 02-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2017 ngày 07 tháng 4 năm 2017 với số tiền 142.546.000.000 VND.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	191.665.139.320	163.468.343.498
Trên 1 năm đến 5 năm	765.120.993.644	412.385.245.213
Trên 5 năm	1.145.526.756.594	313.141.637.991
Cộng	2.102.312.889.558	888.995.226.702

25b. Tài sản nhận giữ hộ

Hàng hoá nhận bán-hộ, nhận ký gửi:

Chủng loại	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Đơn vị tính		Đơn vị tính	
	Cái	Khác	Cái	Khác
Cây kiểng, tranh, hoa	239	-	275	2
Chăn nuôi	-	246	-	538
Hàng công nghệ phẩm	8.518	13.971	8.722	11.287
Da và giả da	3.510	807	2.959	846
Hàng may mặc, vải	22.014	2.114	15.408	2.173
Hàng mỹ nghệ	46.387	13.479	37.471	11.438
Hàng mỹ phẩm	2.347	9.050	1.724	8.108
Hàng thực phẩm	-	12.375	-	5.673
Hàng trang sức	2.988	1.577	3.230	2.971
Văn hóa phẩm	2.182	87	2.413	115
Vàng bạc – đá quý	-	1.871	-	1.526
Cộng	88.185	55.577	72.202	44.677

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

25c. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Úc (AUD)	7.485,01	12.960,01
Bạt Thái Lan (BHT)	16.820,00	35.810,00
Dollar Canada (CAD)	760,00	1.700,00
Euro (EUR)	15.174,51	20.962,25
Bảng Anh (£)	1.045,01	1.640,01
Franc Thụy Sĩ (CHF)	550,00	1.850,00
Dollar Hồng Kông (HKD)	37.670,00	26.660,00
Yên Nhật (JPY)	328.000,00	899.000,00
Dollar Singapore (SGD)	6.250,00	16.601,00
Dollar Mỹ (USD)	4.878.219,40	2.540.392,50
Dollar New Zealand (NZD)	-	110,00
Won Hàn Quốc (KRW)	10.000,00	-

25d. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	
Phải thu khách hàng		23.279.144		23.279.144	Không có khả năng thu hồi
Trả trước cho người bán		10.500.000		10.500.000	Không có khả năng thu hồi
Phải thu khác	9,102.00 USD	189.419.811	9,102.00 USD	189.419.811	Không có khả năng thu hồi
Cộng		<u>223.198.955</u>		<u>223.198.955</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	550.097.809.821	516.555.796.665
Doanh thu hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác	173.366.897.528	161.147.240.920
Doanh thu hoạt động phòng khách	164.426.391.716	146.076.048.908
Doanh thu các hoạt động khác ⁽ⁱ⁾	253.910.089.026	227.075.714.013
Cộng	<u>1.141.801.188.091</u>	<u>1.050.854.800.506</u>

⁽ⁱ⁾ Doanh thu hợp tác kinh doanh năm nay là 142.100.684.103 VND (năm trước là 112.694.955.322 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam <i>Cung cấp dịch vụ</i>	1.996.865.897	142.486.364
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn <i>Cung cấp dịch vụ</i>	187.035.376	70.505.431
<i>Giao dịch khác</i>	1.238.572.630	-
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội <i>Cung cấp dịch vụ</i>	3.454.546	70.844.000
<i>Giao dịch khác</i>	198.195.800	-
Tổng Công ty Cảng hàng không Miền Nam <i>Cung cấp dịch vụ</i>	693.097.194	254.064.090

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	429.106.531.832	399.664.990.303
Giá vốn hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác	93.097.904.406	105.761.237.287
Giá vốn phòng khách	26.829.278.614	22.010.200.462
Giá vốn các hoạt động khác	93.679.263.360	90.047.501.231
Cộng	<u>642.712.978.212</u>	<u>617.483.929.283</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.269.071.539	5.778.622.004
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.336.473.591	23.770.967.191
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.955.403.019	5.491.598.764
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	19.935.295.442	-
Doanh thu tài chính khác	2.365.131.500	-
Cộng	<u>62.861.375.091</u>	<u>35.041.187.959</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	985.414.631	783.928.033
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.977.016.652	756.455.103
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	212.821.494	253.388.015
Dự phòng dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	15.737.150.000
Chi phí tài chính khác	120.000.000	3.027.053
Cộng	3.295.252.777	17.533.948.204

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	56.275.078.361	55.272.031.082
Chi phí vật liệu, bao bì	1.650.476.813	1.293.148.639
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.143.239.997	4.819.702.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.155.725.940	2.645.838.458
Chi phí tiền thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho	83.915.095.574	74.546.799.730
Chi phí quản lý điều hành hợp đồng hợp tác kinh doanh	62.057.415.519	57.546.969.665
Chi phí nhượng quyền khai thác	18.962.082.594	16.788.989.021
Các khoản chi phí khác	41.598.031.199	28.782.020.445
Cộng	275.757.145.997	241.695.499.278

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	77.815.865.248	70.640.068.232
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	886.139.670	1.406.285.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.291.020.481	3.988.865.715
Thuế, phí và lệ phí	3.936.327.588	4.103.406.598
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	21.642.686.036	-
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	6.458.426.952	6.458.426.952
Các khoản chi phí khác	15.972.372.594	13.851.495.953
Cộng	131.002.838.569	100.448.548.857

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	269.434	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	6.612.384	56.335.003
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	3.998.441.855	2.973.010.071
Các khoản thu nhập khác	2.752.827.131	349.045.373
Cộng	6.758.150.804	3.378.390.447

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	499.480
Công cụ, dụng cụ thanh lý	18.006.822	9.042.909
Khấu hao các tài sản cố định không cần dùng chờ thanh lý	-	1.402.263.977
Các khoản chi phí khác	389.579.277	644.549.474
Cộng	407.586.099	2.056.355.840

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	131.714.804.894	92.649.384.224
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	131.714.804.894	92.649.384.224
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	131.500.000	131.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.002	705

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.777.297.378	33.809.879.176
Chi phí nhân công	145.640.695.540	139.678.959.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.879.102.044	22.923.750.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.966.547.315	173.449.555.653
Chi phí khác	88.987.025.902	54.220.841.403
Cộng	486.250.668.179	424.082.986.417

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả trước tiền mua sắm tài sản đầu năm	6.512.178.590	1.822.240.126
Trả trước tiền mua sắm tài sản cuối kỳ	5.659.891.725	5.211.494.974
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ đầu năm	2.846.584.065	1.442.870.837
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ cuối kỳ	824.583.924	336.115.558

2. Tiền-chi-khác cho hoạt động kinh doanh

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.068.467.884	12.243.439.316
Chuyển tiền chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định về Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	-	38.093.730.288
Cộng	13.068.467.884	50.337.169.604

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	10.989.076.785	5.767.575.758
Trên 1 năm đến 5 năm	11.660.298.173	10.584.509.259
Trên 5 năm	-	-
Cộng	22.649.374.958	16.352.085.017

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.329.545.454	1.140.000.000
Thù lao	192.000.000	184.000.000
Tiền thưởng	2.157.197.874	1.107.946.875
Cộng	3.678.743.328	2.431.946.875

2b. - *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	Cổ đông chiếm 49,81% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	Công ty liên kết
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh	Công ty liên kết
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH dịch vụ bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam	Công ty liên kết của Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	Công ty liên kết của Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	Công ty liên kết của Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	Công ty liên kết của Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	Cổ đông chiếm 24% vốn điều lệ
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Âu Châu	Cổ đông chiến lược của Công ty
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Duy Anh	Cổ đông chiến lược của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn		
<i>Các giao dịch khác</i>	-	793.777.900
<i>Mua dịch vụ</i>	359.019.720	175.476.801
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội		
<i>Các giao dịch khác</i>	-	284.718.800
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam		
<i>Mua hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ</i>	118.099.794.901	90.911.445.071
<i>Các giao dịch khác</i>	7.435.431.730	8.283.293.700

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Chi phí nhượng quyền</i>	19.972.385.263	17.664.692.660
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam		
<i>Mua dịch vụ</i>	159.331.819	34.765.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.5b và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty và do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa miễn thuế: Bán hàng hóa tại các quầy miễn thuế tại sân bay Tân Sơn Nhất.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa tại Trung tâm thương mại và các Chi nhánh khác: Bán hàng hóa tại các quầy khác tại sân bay Tân Sơn Nhất và Các chi nhánh khác của Công ty.
- Lĩnh vực kinh doanh phòng khách tại trung tâm thương mại: cung cấp dịch vụ phục vụ hành khách hạng thương gia tại các phòng khách sân bay Tân Sơn Nhất.
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác: dịch vụ quảng cáo, thu đổi ngoại tệ, chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, kinh doanh vận tải hành khách, kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế...

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện tại Việt Nam và Nước ngoài.

Chi tiết doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thị trường Việt Nam	1.132.672.817.120	1.044.550.079.134
Thị trường Nước ngoài	9.120.388.178	6.304.721.372
Cộng	1.141.793.205.298	1.050.854.800.506

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh theo Báo cáo kiểm toán Nhà nước tháng 5 năm 2017.

Ảnh hưởng của việc trình bày lại số liệu so sánh theo Báo cáo kiểm toán Nhà nước tháng 5 năm 2017 đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn khác	229.865.395.268	41.639.200.000	271.504.595.268	(i)
Tài sản cố định vô hình	25.964.533.637	126.666.870	26.091.200.507	(ii)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	37.627.863.204	(6.340.617)	37.621.522.587	(iii)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.343.466.713	8.241.158.917	12.584.625.630	(iv)
Phải trả người lao động	57.026.159.458	5.765.870.000	62.792.029.458	(v)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	142.609.615.007	27.752.497.336	170.362.112.343	(vi)

(i) Phải thu ngắn hạn khác

Ghi nhận tăng doanh thu năm 2016 Công ty được hưởng theo quy định tại Điểm b, Mục 2.2.2.1, Khoản 2.2, Điều 2 Hợp đồng số 68/IPGS/SASCO/HĐ, ngày 12/09/2013 về cung cấp và bán hàng hóa, sản phẩm tại các cửa hàng miễn thuế ở nhà ga Quốc tế Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất theo Biên bản kiểm toán Nhà nước

Ghi nhận tăng doanh thu năm 2015 Công ty được hưởng theo quy định tại Điểm b, Mục 2.2.2.1, Khoản 2.2, Điều 2 Hợp đồng số 68/IPGS/SASCO/HĐ, ngày 12/09/2013 về cung cấp và bán hàng hóa, sản phẩm tại các cửa hàng miễn thuế ở nhà ga Quốc tế Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất theo Biên bản kiểm toán Nhà nước

Cộng

20.966.800.000

20.672.400.000

41.639.200.000

(ii) Điều chỉnh lại giá trị quyền sử dụng đất theo thời gian sử dụng đất đối với 02 khu đất tại Phú Quốc, Kiên Giang theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;

(iii) Điều chỉnh lại giá trị quyền sử dụng đất theo thời gian sử dụng đất đối với khu đất tại Bến Tràm, Phú Quốc, Kiên Giang theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;

(iv) Điều chỉnh tăng thuế phải nộp theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;

(v) Điều chỉnh tăng quỹ lương năm 2016 do tăng doanh thu làm tăng tỷ lệ lãi gộp (quỹ lương bằng 27,5% tỷ lệ lãi gộp) theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;

(vi) Điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Biên bản kiểm toán Nhà nước

Các điều chỉnh bao gồm:

Điều chỉnh tăng doanh thu năm 2015 và năm 2016 theo Biên bản kiểm toán nhà nước

41.639.200.000

Điều chỉnh lại giá trị quyền sử dụng đất theo thời gian sử dụng đất đối với 02 khu đất tại Phú Quốc, Kiên Giang theo Biên bản kiểm toán Nhà nước

126.666.870

Điều chỉnh lại giá trị quyền sử dụng đất theo thời gian sử dụng đất đối với khu đất tại Bến Tràm, Phú Quốc, Kiên Giang theo Biên bản kiểm toán Nhà nước

(6.340.617)

Điều chỉnh tăng thuế phải nộp theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;

(8.241.158.917)

Điều chỉnh tăng quỹ lương năm 2016 do tăng doanh thu làm tăng tỷ lệ lãi gộp (quỹ lương bằng 27,5% tỷ lệ lãi gộp) theo Biên bản kiểm toán Nhà nước;

(5.765.870.000)

Cộng

27.752.497.336

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, thời gian tín dụng tối đa là 30 ngày, không cho tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	463.046.814.805	-	-	463.046.814.805
Chứng khoán kinh doanh	-	-	28.644.000.000	28.644.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	252.000.000.000	-	-	252.000.000.000
Phải thu khách hàng	78.995.215.712	1.400.229.897	8.209.005.154	88.604.450.763
Các khoản phải thu khác	112.464.003.461	-	286.556.752.478	399.020.755.939
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	104.045.921.500	-	-	104.045.921.500
Cộng	1.010.551.955.478	1.400.229.897	323.409.757.632	1.335.361.943.007

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	489.855.566.371	-	-	489.855.566.371
Chứng khoán kinh doanh	-	-	28.644.000.000	28.644.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	72.000.000.000	-	-	72.000.000.000
Phải thu khách hàng	87.387.847.872	4.584.902.726	7.921.500.891	99.894.251.489
Các khoản phải thu khác	270.284.533.226	-	265.201.570.705	535.486.103.931
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	100.045.701.500	-	-	100.045.701.500
Cộng	1.019.573.648.969	4.584.902.726	301.767.071.596	1.325.925.623.291

Chi tiết thời gian quá hạn của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Quá hạn dưới 6 tháng	Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	Quá hạn trên 02 năm đến dưới 03 năm	Quá hạn trên 03 năm	Cộng
Số cuối kỳ						
Phải thu khách hàng	-	932.880.000	32.577.008	78.659.346	356.113.543	1.400.229.897
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	932.880.000	32.577.008	78.659.346	356.113.543	1.400.229.897
Số đầu năm						
Phải thu khách hàng	4.109.453.701	-	14.696.896	115.241.251	345.510.878	4.584.902.726
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	4.109.453.701	-	14.696.896	115.241.251	345.510.878	4.584.902.726

5b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	308.057.565.509	-	-	308.057.565.509
Vay và nợ	63.688.176.099	13.808.392.800	5.047.154.482	82.543.723.380
Các khoản phải trả khác	33.727.174.023	357.724.000	-	34.084.898.023
Cộng	405.472.915.631	14.166.116.800	5.047.154.482	424.686.186.912
Số đầu năm				
Phải trả người bán	315.465.446.485	-	-	315.465.446.485
Vay và nợ	119.374.957.640	2.596.800.000	2.596.800.000	121.971.757.640
Các khoản phải trả khác	28.902.919.816	357.724.000	357.724.000	29.260.643.816
Cộng	463.743.323.941	2.954.524.000	2.954.524.000	466.697.847.941

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

5c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa và nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa và nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho việc kinh doanh hàng miễn thuế và các khoản chi trả hộ chi phí dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,878,219.40	15,174.51	2,540,392.50	20,962.25
Phải thu khách hàng	864,957.47	134,101.36	1,160,994.53	134,101.00
Các khoản phải thu khác	920,000.00	687,848.90	2,285,078.70	11,202,208.87
Phải trả người bán	(10,077,257.27)	(40,234.70)	(10,997,293.75)	(40,234.70)
Vay và nợ	(3,494,489.80)	-	(5,207,260.19)	-
Các khoản phải trả khác	(19,933.62)	(4,000.00)	(8,864.66)	(68.53)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(6,928,503.82)	792,890.07	(10,226,952.87)	11,316,968.89

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.145.540.734 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 3.053.142.199 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 414.586.360 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 5.768.291.043 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 82.543.723.380 VND, trong đó USD 3,494,489.80 (số đầu năm là 121.971.757.640 VND, trong đó USD 5,207,260.19).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 55.825.041.050 VND (số đầu năm là 49.362.776.500 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu.

5d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	463.046.814.805	-	489.855.566.371	-
Chứng khoán kinh doanh	28.644.000.000	(28.644.000.000)	28.644.000.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	252.000.000.000	-	72.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	88.604.450.763	(8.209.005.154)	99.894.251.489	(7.921.500.891)
Các khoản phải thu khác	399.020.755.939	(286.218.484.188)	535.486.103.931	(264.539.032.041)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	104.045.921.500	-	100.045.701.500	-
Cộng	1.335.361.943.007	(323.071.489.342)	1.325.925.623.291	-(272.460.532.932)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	308.057.565.509	315.465.446.485
Vay và nợ	82.543.723.380	121.971.757.640
Các khoản phải trả khác	34.084.898.023	29.260.643.816
Cộng	424.686.186.912	466.697.847.941



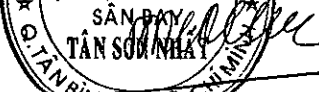
Giá trị hợp lý


Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2017

 Nguyễn Thị Thu Người lập biểu	 Tôn Nữ Diệu Trí Kế toán trưởng	 Đoàn Thị Mai Hương Tổng Giám đốc
---	--	---



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng hóa tại miễn thuế	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa tại TTTM và các chi nhánh khác	Lĩnh vực phòng khách	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	550.097.809.821	175.445.560.498	164.426.391.716	254.570.962.851		1.144.540.724.886
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	(2.086.645.763)	-	(660.873.825)		(2.747.519.588)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	550.097.809.821	173.358.914.735	164.426.391.716	253.910.089.026	-	1.141.793.205.298
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	52.803.319.964	34.113.736.816	69.380.091.001	38.053.052.782		194.350.200.563
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(102.029.958.043)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						92.320.242.520
Doanh thu hoạt động tài chính						62.861.375.091
Chi phí tài chính						(3.295.252.777)
Thu nhập khác						6.758.150.804
Chi phí khác						(407.586.099)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(26.522.124.645)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						131.714.804.894
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	884.904.633	92.402.055	655.262.755	36.824.208.599	-	38.456.778.042
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	758.929.302	1.490.302.969	3.448.588.433	28.947.103.538	-	34.644.924.242
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)						



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

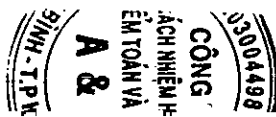
Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Hàng hóa tại miễn thuế	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa tại TTTM và các chi nhánh	Lĩnh vực phòng khách	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	516.555.796.665	164.773.827.731	146.076.048.908	230.908.157.468	-	1.058.313.830.772
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	(3.627.996.724)	-	(3.832.443.455)	-	(7.460.440.179)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	516.555.796.665	161.145.831.007	146.076.048.908	227.075.714.013	-	1.050.853.390.593
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	53.148.713.029	15.723.091.105	69.492.193.070	27.094.654.113	-	165.458.651.317
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(74.233.238.142)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						91.225.413.175
Doanh thu hoạt động tài chính						35.041.187.959
Chi phí tài chính						(17.533.948.204)
Thu nhập khác						3.378.390.447
Chi phí khác						(2.056.355.840)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(20.552.733.313)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						3.147.430.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						92.649.384.224
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	194.200.733	12.850.000	-	10.915.910.324	-	11.122.961.057
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	736.496.703	453.728.057	372.558.732	32.513.232.947	-	34.076.016.439
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng hóa tại miễn thuế	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa tại TTTM và các chi nhánh	Lĩnh vực phòng khách	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	239.579.523.284	63.361.865.484	47.318.600.956	523.322.975.199		873.582.964.923
Tài sản phân bổ cho bộ phận	23.960.048.908	7.550.817.330	7.161.752.541	11.059.302.624		49.731.921.403
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						1.079.388.622.790
Tổng tài sản						2.002.703.509.116
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	300.753.448.396	14.584.770.929	13.481.980.509	117.006.618.467		445.826.818.301
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	22.401.267.920	7.059.579.998	6.695.826.793	10.339.811.994		46.496.486.705
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						35.266.625.150
Tổng nợ phải trả						527.589.930.156
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	306.214.918.710	65.279.325.516	61.029.013.144	647.039.585.931		1.079.562.843.301
Tài sản phân bổ cho bộ phận	35.782.839.001	11.432.261.499	10.811.581.704	16.617.808.594		74.644.490.798
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						911.421.391.806
Tổng tài sản						2.065.628.725.905
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	375.085.154.213	1.188.890.780	5.891.347.324	103.157.999.955		485.323.392.272
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	27.157.901.156	8.676.679.561	8.205.605.689	12.612.325.233		56.652.511.639
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						37.708.047.928
Tổng nợ phải trả						579.683.951.839

Nguyễn Thị Thu

Nguyễn Thị Thu
Người lập

Tôn Nữ Diệu Trí

Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2017